

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Số: HĐ-001/2026

Hôm nay, ngày .../.../....., tại Đà Nẵng, các bên gồm:

BÊN A **TÊN BÊN A**

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

BÊN B **TÊN BÊN B**

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung và thời hạn hợp tác

Hai bên cùng hợp tác thực hiện: Việc kinh doanh hai bên cùng làm, phạm vi và địa bàn

Thời hạn hợp tác là 24 tháng kể từ ngày ký, và được gia hạn khi hai bên thỏa thuận bằng văn bản.

Việc hợp tác theo hợp đồng này không làm phát sinh pháp nhân mới. Mỗi bên giữ nguyên tư cách pháp lý độc lập của mình.

Hợp đồng này không phải là quan hệ lao động, không phải quan hệ vay mượn và không phải quan hệ mua bán giữa hai bên.

Điều 2. Phần góp của các bên

Phần góp của Bên A: Tiền, tài sản, mặt bằng, giấy phép, công sức; ghi rõ giá trị nếu có

Phần góp của Bên B: Tiền, tài sản, mặt bằng, giấy phép, công sức; ghi rõ giá trị nếu có

Tỷ lệ tham gia: Bên A 50%, Bên B phần còn lại.

Chi tiết phần góp, giá trị quy đổi và thời điểm góp được lập thành phụ lục ký kèm hợp đồng này.

2.1. Các bên hoàn thành việc góp trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày ký, trừ phần góp bằng công sức được thực hiện liên tục trong thời hạn hợp tác.

2.2. Bên góp chậm hoặc góp thiếu thì tỷ lệ tham gia được điều chỉnh tương ứng với phần thực góp, trừ khi hai bên thỏa thuận khác bằng văn bản.

Phần góp bằng công sức được mô tả cụ thể tại phụ lục, gồm nội dung công việc, mức độ toàn thời gian hay bán thời gian và thời gian cam kết. Bên góp công sức ngừng thực hiện trước hạn thì tỷ lệ tham gia được điều chỉnh theo thỏa thuận ghi tại phụ lục.

Tài sản các bên góp vào hoạt động hợp tác vẫn thuộc quyền sở hữu của bên góp, trừ khi có thỏa thuận chuyển quyền sở hữu bằng văn bản.

Điều 3. Điều hành và ra quyết định

3.1. Bên B trực tiếp điều hành hoạt động hợp tác hằng ngày.

Những việc sau phải có sự đồng ý bằng văn bản của cả hai bên: thay đổi nội dung hoặc phạm vi hợp tác, vay vốn, dùng tài sản chung để bảo đảm nghĩa vụ, chuyển nhượng phần tham gia, và chấm dứt hợp tác trước hạn.

Khoản chi cho người có liên quan tới một bên phải được bên kia đồng ý trước, bất kể giá trị.

Các quyết định chung được lập thành biên bản có chữ ký của đại diện hai bên và lưu trong hồ sơ hợp tác.

3.2. Khi hai bên không thống nhất về một việc thuộc thẩm quyền chung, hai bên đưa vấn đề ra người trung gian do hai bên cùng chọn để tham vấn trước khi quyết định.

Điều 4. Tài chính và sổ sách

4.1. Hai bên mở một tài khoản ngân hàng dùng riêng cho hoạt động hợp tác. Mọi khoản thu chi của hoạt động hợp tác đi qua tài khoản này. Sổ tài khoản ghi tại phụ lục.

Bên điều hành lập và lưu giữ đầy đủ chứng từ thu chi của hoạt động hợp tác.

4.2. Bên không trực tiếp điều hành được xem sổ sách, chứng từ của hoạt động hợp tác theo mỗi kỳ phân chia, và khi có căn cứ hợp lý để nghi ngờ về số liệu.

Mỗi bên có quyền thuê đơn vị kiểm toán độc lập kiểm tra số liệu bằng chi phí của mình. Nếu kết quả cho thấy số liệu sai lệch đáng kể do lỗi của bên điều hành thì bên điều hành chịu chi phí kiểm toán.

Điều 5. Phân chia kết quả

5.1. Các bên chia lợi nhuận, là phần còn lại sau khi lấy doanh thu trừ các chi phí hợp lệ của hoạt động hợp tác.

5.2. Chi phí được trừ trước khi chia gồm: Giá vốn, thuê mặt bằng, nhân công, điện nước, vận chuyển, thuế

5.3. Khoản chi không nằm trong danh mục trên chỉ được trừ khi hai bên đồng ý bằng văn bản.

5.4. Việc phân chia được thực hiện hằng quý, trên cơ sở bảng kê và chứng từ do bên điều hành lập.

Hai bên đối chiếu và ký xác nhận bảng kê trước khi chia. Bên có ý kiến khác phải nêu trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày nhận bảng kê.

5.5. Trường hợp hoạt động hợp tác bị lỗ, các bên cùng chịu theo đúng tỷ lệ tham gia nêu trên.

Mỗi bên tự thực hiện nghĩa vụ thuế đối với phần thu nhập mình nhận được, theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giao dịch với bên thứ ba

6.1. Bên A là bên đứng tên trong các giao dịch với bên thứ ba liên quan tới hoạt động hợp tác, gồm việc ký hợp đồng, xuất hóa đơn và thực hiện thủ tục với cơ quan nhà nước.

Bên đứng tên thực hiện giao dịch trong phạm vi hoạt động hợp tác và vì lợi ích chung, không nhân danh hoạt động hợp tác để thực hiện việc riêng.

Trường hợp bên đứng tên phải thanh toán cho bên thứ ba một khoản thuộc trách nhiệm chung, bên kia hoàn lại phần tương ứng với tỷ lệ tham gia của mình.

Trường hợp bên đứng tên phải thanh toán cho bên thứ ba do lỗi riêng của mình hoặc do ký vượt thẩm quyền, bên kia không có nghĩa vụ hoàn lại.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ chung

Mỗi bên thực hiện đúng và đủ phần góp cùng phần việc đã cam kết.

Các bên cung cấp cho nhau thông tin trung thực về hoạt động hợp tác, thông báo kịp thời những yếu tố có thể ảnh hưởng tới kết quả chung.

Các bên giữ bí mật thông tin kinh doanh của nhau biết được trong quá trình hợp tác. Nghĩa vụ này tiếp tục có hiệu lực sau khi hợp đồng chấm dứt.

Trong thời hạn hợp tác, không bên nào tự mình hoặc cùng bên thứ ba thực hiện hoạt động cạnh tranh trực tiếp với nội dung hợp tác, trừ khi được bên kia đồng ý bằng văn bản.

Điều 8. Rút lui và chuyển nhượng

Một bên muốn rút khỏi hợp tác phải thông báo bằng văn bản trước ít nhất 3 tháng.

8.1. Phần vốn của bên rút được xác định theo giá trị sổ sách của hoạt động hợp tác tại thời điểm rút, trên cơ sở đối chiếu có chữ ký hai bên.

8.2. Bên còn lại có quyền ưu tiên mua lại phần tham gia của bên rút, trong vòng ba mươi ngày kể từ khi nhận được thông báo. Hết thời hạn này mà bên còn lại không mua thì bên rút được chuyển nhượng cho bên thứ ba với điều kiện không thuận lợi hơn điều kiện đã chào cho bên còn lại.

Bên rút vẫn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đã phát sinh trước thời điểm rút.

Điều 9. Chấm dứt hợp tác

Hợp đồng chấm dứt khi hết thời hạn mà không gia hạn, khi hai bên thỏa thuận chấm dứt, hoặc khi mục tiêu hợp tác không còn thực hiện được.

Một bên được đơn phương chấm dứt khi bên kia vi phạm nghiêm trọng và không khắc phục trong thời hạn đã được thông báo bằng văn bản.

Khi chấm dứt, hai bên lập biên bản đối chiếu toàn bộ tài sản, công nợ và kết quả kinh doanh; hoàn tất nghĩa vụ với bên thứ ba trước khi phân chia phần còn lại theo tỷ lệ tham gia.

Tài sản mỗi bên góp vào mà vẫn thuộc sở hữu của bên đó được trả lại cho bên đó. Tài sản hình thành từ hoạt động hợp tác được chia theo tỷ lệ tham gia hoặc bán và chia tiền, theo thỏa thuận của hai bên.

9.1. Thương hiệu, tên gọi và danh sách khách hàng phát sinh từ hoạt động hợp tác được xử lý theo thỏa thuận ghi tại phụ lục.

Hợp đồng đang thực hiện với bên thứ ba được tiếp tục bởi bên đứng tên, hoặc chuyển giao theo thỏa thuận của hai bên và sự đồng ý của bên thứ ba.

Điều 10. Điều khoản chung

Hợp đồng và các phụ lục kèm theo là toàn bộ thỏa thuận giữa hai bên, thay thế mọi trao đổi trước đó về cùng nội dung.

Nếu một điều khoản bị coi là vô hiệu, các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành hai bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản.

Mọi sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

TÊN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

TÊN BÊN B

Mẫu hợp đồng tham khảo do PCTech tạo. Hình thức hợp tác không lập pháp nhân có hệ quả về thuế và trách nhiệm với bên thứ ba; nên tham vấn người có chuyên môn về thuế và pháp lý trước khi ký.